

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN**  
**Về dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù**

## **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

### **1.1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Luật Tương trợ tư pháp được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 21/11/2007, có hiệu lực kể từ 01/7/2008 (Luật TTTP). Tính đến nay, Luật đã được thực thi trong 15 năm. Luật gồm 7 chương với 72 điều quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện TTTP về dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong TTTP. Trong đó, hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được quy định tại Chương V (gồm 12 điều, từ Điều 49 đến Điều 60) và một số quy định tại Chương I, Chương VI. Tuy vậy, cùng với những yêu cầu mới phát sinh của quá trình hội nhập quốc tế, yêu cầu của hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau hơn 15 năm triển khai thực hiện Luật TTTP đã bộc lộ những hạn chế bất cập cần được tháo gỡ, giải quyết. Chính vì vậy, thực tiễn công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đặt ra yêu cầu cần thiết là phải xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh chiến lược hoàn thiện pháp luật, cải cách tư pháp và tăng cường hội nhập quốc tế nói chung cũng như lĩnh vực dẫn độ nói riêng. Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 (Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW); Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW); Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế xác định một trong những định hướng chủ yếu của hội nhập quốc tế là “*xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp quy, thiết lập bộ máy đủ thẩm quyền và năng lực để chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và phối hợp các hoạt động hội nhập quốc tế*”; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII

về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định một trong các mục tiêu trọng tâm là xây dựng “*hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận*”. Đây là những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo cho việc xây dựng Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Hiến pháp năm 2013 đề cao việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; các luật mới ban hành có một số quy định mới liên quan đến hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù như Luật Thi hành án hình sự năm 2019, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021). Do đó, yêu cầu sửa đổi, bổ sung các quy định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù để bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật là cần thiết.

- Việt Nam là thành viên của ba điều ước quốc tế đa phương có quy định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Công ước quốc tế về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy, chất hướng thần năm 1988; Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000; Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003). Đồng thời, Việt Nam đã ký kết 22 hiệp định về chuyển giao người bị kết án phạt tù với các nước. Qua rà soát thấy một số điều khoản về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong Luật TTTP còn một số nội dung chưa thực sự phù hợp với quy định trong các hiệp định này (về điều kiện chuyển giao, kinh phí, quá cảnh người bị kết án, xem xét lại bản án...). Vì vậy, việc ban hành Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù sẽ góp phần tạo điều kiện thực hiện tốt các cam kết, nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam, tạo nền tảng ký kết các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; qua đó, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

## **1.2. Cơ sở thực tiễn**

Qua hơn 15 năm triển khai thực hiện Luật TTTP, quy định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong Luật TTTP và hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập như sau:

*Thứ nhất*, Luật TTTP điều chỉnh chung cả bốn lĩnh vực dân sự, hình sự, dẫn độ và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nhưng mỗi lĩnh vực lại có đối tượng, phạm vi điều chỉnh với tính chất đặc thù riêng, mục đích và nguyên tắc hợp tác khác nhau.

*Thứ hai*, chủ thể yêu cầu, chủ thể thực hiện, trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện các yêu cầu TTTP trong từng lĩnh vực hoàn toàn độc lập và khác nhau.

*Thứ ba*, từ phương diện quản lý nhà nước, Luật TTTP quy định giao Bộ Tư pháp làm đầu mối giúp Chính phủ quản lý nhà nước chung nhưng như trên đã đề cập mỗi lĩnh vực có đặc thù, nguyên tắc riêng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục độc lập dẫn đến thực tiễn việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan gặp bất cập, vướng mắc.

*Thứ tư*, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật TTTP được thực hiện chủ yếu thông qua các điều ước quốc tế. Theo quy định của Luật TTTP, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) và Luật Điều ước quốc tế năm 2016 thì từng bộ, ngành (Bộ Tư pháp, Bộ Công an, VKSNDTC) chủ trì đề xuất ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế thuộc lĩnh vực được giao phụ trách. Hiện nay việc ký kết các điều ước quốc tế về TTTP được tách riêng từng lĩnh vực độc lập, không điều chỉnh đa lĩnh vực như trước đây. Việc tách Luật TTTP, giao nhiệm vụ cơ quan đầu mối trong từng lĩnh vực cũng phù hợp với công tác ký kết và tổ chức thực hiện các điều ước quốc tế mà các bộ, ngành đang chủ trì.

*Thứ năm*, Luật TTTP hiện hành chưa quy định cụ thể, toàn diện các vấn đề liên quan đến chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Do vậy, cần được quy định trong luật một cách cụ thể, chi tiết.

Việc thiếu các quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù đã làm giảm hiệu quả hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong thời gian qua.

*Thứ sáu*, Luật TTTP được ban hành cách đây hơn 15 năm nên một số quy định không còn phù hợp với các quy định của một số luật mới ban hành.

*Thứ bảy*, Luật TTTP quy định TTTP nói chung và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù nói riêng được thực hiện trên cơ sở điều ước quốc tế. Trường hợp không có điều ước quốc tế thì áp dụng nguyên tắc có đi có lại và pháp luật trong nước. Chính vì vậy, sự phù hợp giữa quy định của pháp luật trong nước và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên là rất quan trọng. Điều này có ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế. Tuy nhiên, qua rà soát nhận thấy một số quy định của Luật TTTP không phù hợp với pháp luật và thông lệ quốc tế, các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết.

Do đó, để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thi hành Luật TTTP và đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra hiện nay, việc xây dựng dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là cần thiết.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT**

### **2.1. Mục đích ban hành Luật**

Mục đích của việc ban hành Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù là hoàn thiện pháp luật về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù theo hướng nhân đạo, toàn diện, cụ thể, đồng bộ, thống nhất, khả thi, ổn định, thúc đẩy hợp tác quốc tế trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; giúp bảo đảm tốt hơn quyền con người của người đang chấp hành án phạt tù; góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

### **2.2. Quan điểm xây dựng Luật**

- Thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường hội nhập quốc tế, cải cách pháp luật, cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền con người trong lĩnh vực tư pháp tại Kết luận số 83-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Tuân thủ Hiến pháp năm 2013, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm các quy định của Luật có tính khả thi, phù hợp với điều kiện, tình hình Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

- Việc xây dựng dự án Luật trên cơ sở tổng kết toàn diện thực tiễn công tác chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; kế thừa các quy định còn phù hợp điều chỉnh lĩnh vực này của Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành, nội luật hóa quy định của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; cần đảm bảo khắc phục những bất cập, hạn chế phát sinh trong thực tiễn.

- Tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm xây dựng pháp luật của một số nước quy định về hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, phù hợp với điều kiện, thực tiễn của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG LUẬT**

- Chính phủ giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Hồ sơ dự án Luật đã được Bộ Công an xây dựng theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Ngày 23/12/2024, Bộ Tư pháp có Báo cáo số 321/BCTĐ-BTP về việc thẩm định đối với Hồ sơ dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Ngày 10/01/2025, Bộ Công an đã có Công văn số 125/BCA-V03 giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

- Ngày 10/01/2025, Bộ Công an có Tờ trình số 20/TTr-BCA-V03 trình Chính phủ dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Ngày 15/02/2025, Chính phủ đã họp cho ý kiến về dự án Luật và đồng ý giao Bộ trưởng Bộ Công an thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình trình Quốc hội về dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

- Ngày 05/3/2025, Chính phủ có Tờ trình số 128/TTr-CP trình Quốc hội dự án Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

### **IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ BỐ CỤC CỦA DỰ ÁN LUẬT**

#### **4.1. Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong hoạt động tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

#### **4.1. Bố cục**

Dự thảo Luật gồm 5 chương, 45 điều; trong đó, xây dựng mới 18 điều, sửa đổi, bổ sung nội dung 14 điều, bỏ 01 điều so với quy định của Luật TTTP trong lĩnh vực chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 11 điều: Từ Điều 1 đến Điều 11);

Chương II. Tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam (gồm 15 điều: Từ Điều 12 đến Điều 26);

Chương III. Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài (gồm 14 điều: Từ Điều 27 đến Điều 40);

Chương IV. Quản lý nhà nước về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (gồm 03 điều: Từ Điều 41 đến Điều 43);

Chương V. Điều khoản thi hành (gồm 02 điều: Điều 44 và Điều 45).

## **V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

1. Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Luật quy định theo hướng Luật này quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam với nước ngoài; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong hoạt động tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

2. Về đối tượng áp dụng, dự thảo Luật quy định áp dụng đối với người đang chấp hành án phạt tù và cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù với Việt Nam. Người đang chấp hành án phạt tù là đối tượng đặc thù của dự án Luật, phân biệt với đối tượng áp dụng của dự án Luật Dẫn độ.

3. Về nguyên tắc chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Điều 4 dự thảo Luật quy định các nguyên tắc: i) Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; ii) Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù thì hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế. Các nguyên tắc này phù hợp với các nguyên tắc trong hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự quy định tại Điều 492 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021).

4. Về áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Điều 5 dự thảo Luật quy định điều kiện và cơ quan chủ trì xem xét, quyết định áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong chuyển giao người đang chấp

hành án phạt tù là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù (Bộ Công an). Đây là điểm mới so với quy định của Luật TTTP, khắc phục bất cập của quy định về áp dụng nguyên tắc có đi có lại trong Luật TTTP.

5. Về Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, Điều 6 dự thảo Luật quy định Bộ Công an là Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù có trách nhiệm lập, gửi, tiếp nhận yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án. Quy định này phù hợp với quy định của các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam đã ký kết và tương thích với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021), Luật Công an nhân dân năm 2018 (sửa đổi, bổ sung năm 2023). Đây là quy định mới so với quy định của Luật TTTP.

6. Về thời điểm người đang chấp hành án phạt tù có quyền rút đơn xin chuyển giao, Điều 7 dự thảo Luật quy định người đang chấp hành án phạt tù chỉ có quyền rút lại đơn xin chuyển giao trước khi quyết định thi hành quyết định tiếp nhận hoặc quyết định thi hành quyết định chuyển giao có hiệu lực. Quy định này nhằm khắc phục bất cập trong việc người đang chấp hành án phạt tù tùy tiện rút đơn xin chuyển giao gây lãng phí thời gian, công sức và kinh phí cho cả Việt Nam và nước ngoài. Đây là quy định mới so với quy định của Luật TTTP.

7. Về kinh phí trong chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, dự thảo Luật quy định kinh phí chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật. Người đang chấp hành án phạt tù hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có thể tự nguyện đóng góp, hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần chi phí sinh hoạt, đi lại và các chi phí khác của người đang chấp hành án phạt tù được chuyển giao theo quy định của pháp luật. Nếu Việt Nam là nước chuyển giao, Việt Nam chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phát sinh hoàn toàn trong lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Nếu Việt Nam là nước nhận, Việt Nam chịu trách nhiệm bảo đảm kinh phí hoạt động chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phát sinh từ thời điểm tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Quy định này đáp ứng yêu cầu công tác cũng như phù hợp với quy định của các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam là thành viên. Dự thảo Luật quy định Chính phủ quy định chi tiết nội dung này.

8. Về thẩm quyền xem xét tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam, dự thảo Luật quy định Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi

người được đề nghị chuyển giao có nơi thường trú cuối cùng tại Việt Nam quyết định tiếp nhận. Trường hợp không xác định được nơi thường trú cuối cùng tại Việt Nam của người được đề nghị chuyển giao hoặc người được đề nghị chuyển giao không thường trú tại Việt Nam thì Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam. Về thẩm quyền xem xét chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài, dự thảo Luật quy định Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi người nước ngoài đang chấp hành án phạt tù quyết định việc chuyển giao. Trường hợp có kháng cáo, kháng nghị thì Tòa án nhân dân cấp cao có thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định. Điều này phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024 và là nội dung mới so với quy định của Luật TTTP.

9. Về điều kiện tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, dự thảo Luật quy định người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài có thể được tiếp nhận, chuyển giao khi có đủ các điều kiện: i) Là công dân Việt Nam (trường hợp tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam) hoặc là công dân của nước nhận hoặc là người được phép cư trú không thời hạn ở nước nhận hoặc nước nhận đồng ý tiếp nhận (trường hợp chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở Việt Nam cho nước ngoài); ii) Hành vi phạm tội mà người đó bị kết án phạt tù cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước chuyển giao (hoặc nước nhận); iii) Vào thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, thời hạn chưa chấp hành án phạt tù phải còn ít nhất là một năm; trong trường hợp đặc biệt, thời hạn này có thể ít hơn một năm; iv) Bản án đối với người được chuyển giao đã có hiệu lực pháp luật; v) Có sự đồng ý của Việt Nam và nước chuyển giao (hoặc nước nhận); vi) Có sự đồng ý của người được chuyển giao. Trường hợp người được chuyển giao không có đầy đủ năng lực để đồng ý theo pháp luật của nước chuyển giao thì phải có sự đồng ý của người đại diện hợp pháp của người đó. Các quy định này cơ bản kế thừa quy định tại Điều 50 của Luật TTTP. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho công dân Việt Nam được về Việt Nam tiếp tục chấp hành án phạt tù cũng như phù hợp với hầu hết các hiệp định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù mà Việt Nam là thành viên, trong trường hợp Việt Nam là nước nhận, dự thảo Luật bỏ quy định về người đang chấp hành án phạt tù có nơi thường trú cuối cùng tại Việt Nam và quy định thời hạn còn lại tiếp tục thi hành án ít nhất 06 tháng trong trường hợp đặc biệt. Đây là các nội dung mới so với Luật TTTP. Cùng với đó, dự thảo Luật quy định Chính phủ quy định chi tiết trường hợp đặc biệt nếu thời hạn chưa chấp hành án phạt tù phải còn ít hơn một năm.



10. Về hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, dự thảo Luật quy định hồ sơ yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù phải gồm các tài liệu: i) Văn bản yêu cầu chuyển giao của cơ quan có thẩm quyền của nước chuyển giao hoặc Việt Nam; ii) Đơn xin chuyển giao hoặc tài liệu bày tỏ nguyện vọng được chuyển giao hoặc sự đồng ý về việc chuyển giao của người đang chấp hành án phạt tù hoặc người đại diện hợp pháp của người đó; iii) Tài liệu chứng minh quốc tịch Việt Nam của người đang chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật Việt Nam (trường hợp tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam) hoặc tài liệu chứng minh quốc tịch nước nhận hoặc là người được phép cư trú không thời hạn ở nước nhận theo quy định của pháp luật nước nhận (trường hợp chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở Việt Nam cho nước ngoài); iv) Bản sao bản án, quyết định của Tòa án của nước chuyển giao hoặc nước tiếp nhận đối với người đang chấp hành án phạt tù được đề nghị chuyển giao; v) Văn bản về việc thi hành hình phạt bổ sung, nếu có; vi) Điều luật của nước chuyển giao hoặc nước nhận áp dụng để xác định các yếu tố cấu thành tội phạm và tội danh, quy định về hình phạt, thời hiệu thi hành hình phạt đối với tội phạm đó của bản án; vii) Văn bản thể hiện sự đồng ý chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù hoặc đồng ý xem xét yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của cơ quan có thẩm quyền của nước chuyển giao (hoặc nước nhận); viii) Tài liệu mô tả đặc điểm nhận dạng, vân tay và ảnh khuôn mặt của người được đề nghị chuyển giao; ix) Văn bản, tài liệu xác nhận thời gian người được đề nghị chuyển giao đã chấp hành án phạt tù, việc đặc xá, đại xá, miễn, giảm án tại nước chuyển giao và thời gian còn lại phải chấp hành án phạt tù tại Việt Nam; x) Tài liệu liên quan đến tình hình sức khỏe, trạng thái tâm thần, hồ sơ bệnh án của người được đề nghị chuyển giao và các khuyến nghị, nếu có; xi) Điều ước quốc tế về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù giữa Việt Nam và nước chuyển giao; xii) Các tài liệu cần thiết khác, nếu có. Các quy định này cơ bản kế thừa quy định của Luật TTTP nhưng quy định cụ thể hơn. Các tài liệu này là cần thiết để tòa án nhân dân có thẩm quyền xem xét, quyết định việc tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

11. Về trách nhiệm lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù của Việt Nam, dự thảo Luật quy định Bộ Công an có thể lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù. Quy định này nhằm quy định rõ trách nhiệm của Cơ quan trung ương về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và khắc phục “khoảng trống” của Luật TTTP (Luật TTTP không có quy định về cơ quan có trách nhiệm lập yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành

án phạt tù dẫn đến việc Việt Nam không thể chủ động trong đề nghị chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù).

12. Về trình tự, thủ tục xem xét quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam, dự thảo Luật kế thừa cơ bản các quy định của Luật TTTP. Tuy nhiên, bổ sung quy định thẩm quyền của Hội đồng trong việc xem xét, quyết định chuyển đổi hình phạt trong quá trình xem xét tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam; đồng thời bổ sung thời điểm có hiệu lực của quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù.

13. Về trình tự, thủ tục xem xét quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài, dự thảo Luật quy định tương tự như trình tự, thủ tục xem xét quyết định tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam. Tuy nhiên, có hai điểm khác biệt giữa hai trình tự, thủ tục này là:

14. Việc xem xét quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài có sự tham dự của người đang chấp hành án phạt tù;

15. Việc xem xét quyết định chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài không đặt ra vấn đề chuyển đổi hình phạt.

Việc quy định cụ thể trình tự, thủ tục việc tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam và chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài khắc phục bất cập của Luật TTTP và tạo điều kiện cho các cơ quan có thẩm quyền trong xem xét các yêu cầu chuyển giao.

16. Về chuyển đổi hình phạt trong trường hợp tiếp nhận người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam, dự thảo Luật quy định về điều kiện, căn cứ, nguyên tắc chuyển đổi hình phạt; cụ thể: i) Trường hợp hình phạt trong bản án, quyết định mà nước chuyển giao tuyên đối với người đang chấp hành án phạt tù không phù hợp với các quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam thì phải chuyển đổi cho phù hợp; ii) Việc chuyển đổi hình phạt phải căn cứ vào các tình tiết của vụ án được nêu trong quyết định hoặc bản án đã được nước chuyển giao tuyên; iii) Hình phạt chuyển đổi không được nghiêm khắc hơn hình phạt mà nước chuyển giao đã tuyên về tính chất và thời hạn; không chuyển đổi hình phạt tù thành các hình phạt khác; iv) Trường hợp hình phạt tù mà nước chuyển giao đã áp dụng với người đang chấp hành án phạt tù có thời hạn trên 30 năm đối với nhiều tội thì hình phạt được chuyển đổi ở Việt Nam có thời hạn cao nhất đến 30 năm. Trường hợp hình phạt tù mà nước chuyển giao đã áp dụng với người đang

chấp hành án phạt tù có thời hạn trên 20 năm đối với một tội thì hình phạt được chuyển đổi ở Việt Nam có thời hạn cao nhất đến 20 năm. Thời gian đã chấp hành án phạt tù ở nước chuyển giao được trừ vào thời hạn hình phạt tù tại Việt Nam; v) Người đang chấp hành án phạt tù được tiếp nhận về Việt Nam không bị kết án lần thứ hai về tội phạm đã được tuyên trong bản án của nước chuyển giao. Đây là các quy định cụ thể hơn so với Luật TTTP.

17. Về tổ chức thi hành việc tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, dự thảo Luật quy định Bộ Công an có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thi hành quyết định tiếp nhận có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Quy định này nhằm nâng cao trách nhiệm của Bộ Công an cũng như bảo đảm quyền của người đang chấp hành án phạt tù. Đây là quy định mới so với Luật TTTP.

18. Về hủy quyết định thi hành quyết định tiếp nhận, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, dự thảo Luật quy định 04 trường hợp: a) Người đang chấp hành án phạt tù rút lại đơn xin chuyển giao hoặc thể hiện nguyện vọng không muốn chuyển giao bằng văn bản trước khi quyết định thi hành quyết định tiếp nhận (hoặc quyết định chuyển giao) của Tòa án nhân dân có hiệu lực; b) Nước chuyển giao (hoặc nước nhận) rút lại yêu cầu chuyển giao; c) Người đang chấp hành án phạt tù chết hoặc bỏ trốn khỏi nước chuyển giao (hoặc Việt Nam); d) Cơ quan có thẩm quyền của nước chuyển giao (hoặc nước nhận) không bàn giao (hoặc tiếp nhận) người được chuyển giao đúng thời gian và địa điểm đã được thống nhất mà không có lý do chính đáng hoặc việc bàn giao, tiếp nhận không được tiến hành trong thời hạn quy định. Đây là quy định mới so với Luật TTTP nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan có liên quan cũng như bảo đảm quyền của người được chuyển giao.

19. Về tiếp tục chấp hành án phạt tù tại Việt Nam, dự thảo Luật quy định việc tiếp tục chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam của người được chuyển giao thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam. Khi nhận được thông báo về quyết định đặc xá, đại xá hoặc miễn, giảm hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện của nước chuyển giao đối với người đang chấp hành hình phạt tù, Bộ Công an phải gửi ngay thông báo đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định. Để có thể thực hiện nội dung này trên thực tiễn, dự thảo Luật quy định Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

20. Về nội dung quản lý nhà nước và trách nhiệm quản lý nhà nước về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, dự thảo Luật quy định Chính phủ

thống nhất quản lý nhà nước về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù và Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù.

21. Về điều khoản thi hành, quy định chuyển tiếp, dự thảo Luật quy định khi Luật này có hiệu lực sẽ thay thế quy định về chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù trong Luật TTTP; các yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù được lập hoặc tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Luật TTTP số 08/2007/QH12 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.

**BỘ CÔNG AN**